

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND (VNDBF)

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019





NỘI DUNG BÁO CÁO

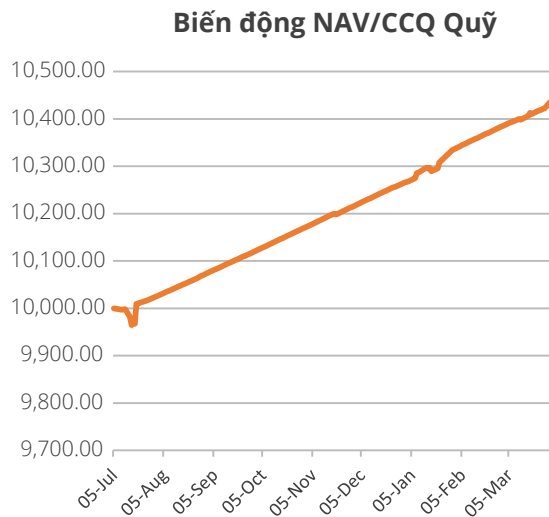
- I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ
- II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ
- III. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2019
- IV. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ
- V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
- VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2019

I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên quỹ	Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND Tên viết tắt: VNDBF Tên tiếng Anh: VND BOND FUND
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Ngày thành lập	05/07/2019
Ngày giao dịch (T)	Thứ Hai tới Thứ Sáu
Thời điểm chốt sổ lệnh	14:45 ngày (T-1)
Công ty quản lý quỹ	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA
Ngân Hàng Giám Sát	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Đại Lý Phân phối	CTCP Chứng khoán VNDIRECT
Địa chỉ liên hệ	Công Ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0510; Fax 024 3941 0500
Mục tiêu đầu tư	Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá.
Chiến lược đầu tư	Quỹ sẽ xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác. Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu có thanh khoản tốt của các tổ chức phát hành có độ tín nhiệm cao nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng và giảm thiểu rủi ro.
Giá trị mua tối thiểu	1,000,000 VND
Giá dịch vụ phát hành	Miễn phí
Giá dịch vụ mua lại	Miễn phí
Mức độ rủi ro	Thấp

II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ

Giá trị tài sản ròng	31/12/2019
NAV (triệu đồng)	56,929.67
Số lượng CCQ (triệu CCQ)	5.55
NAV/CCQ (đồng)	10,264.62
NAV/CCQ cao nhất (đồng)	10,264.62
NAV/CCQ thấp nhất (đồng)	9,964.30
Chi phí hoạt động/tài sản bình quân (%)	3.10
Thời gian đáo hạn bình quân	1.39 năm
Yield to maturity	8.13%



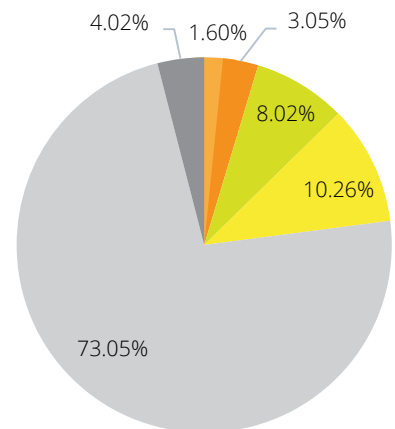
Giá trị NAV/CCQ đến 31/12/2019 đạt 10,264.62 đồng/CCQ, tăng 2.65% so với mức mệnh giá ngày thành lập 05/07/2019.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào Chứng chỉ tiền gửi (73%) và Trái phiếu niêm yết (8.02%). Bên cạnh đó, Quỹ cũng tận dụng tối đa và linh hoạt tiền mặt để đầu tư Tiền gửi ngắn hạn

BÁO CÁO THU NHẬP TỪ 05/07/2019 ĐẾN 31/12/2019

Nội dung	Giá trị
THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (I)	2,187,183,686
CHI PHÍ ĐẦU TƯ (II)	10,715,946
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (III)	790,449,529
Phí quản lý Quỹ mở	351,448,377
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	117,519,755
Phí dịch vụ giám sát	32,290,323
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	96,870,968
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	60,677,419
Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở, thù lao ban đại diện quỹ	70,451,613
Chi phí kiểm toán	55,000,000
Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở	-
Chi phí hoạt động khác	11,191,074
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (VI=IV + V)	1,386,018,211
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (VIII = VI - VII)	1,386,018,211

Cơ cấu tài sản Quỹ VNDBF



- Tiền gửi dưới 3 tháng
- Tiền gửi trên 3 tháng
- Trái phiếu niêm yết
- Tiền và các khoản tương đương tiền
- CCTG
- Khác

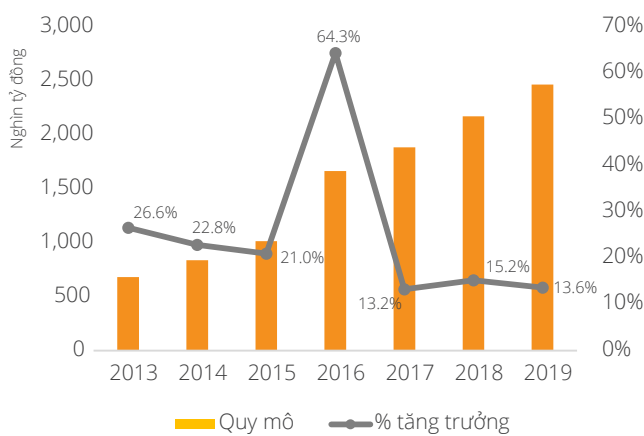
Tính tới 31/12/2019

III. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2019

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2019 đạt gần 2.5 triệu tỷ đồng, tương đương 38.2% GDP, tăng +13.6% so với năm 2018. Động lực tăng trưởng quy mô thị trường chủ yếu đến từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN).

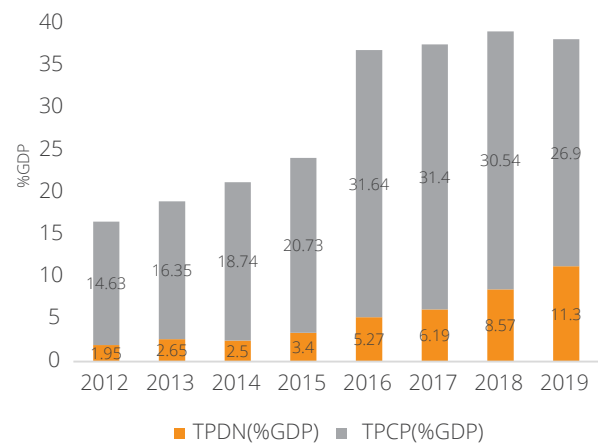
Năm 2019, thị trường TPDN tăng +41% so với năm 2018, đạt 670 nghìn tỷ đồng, tương đương 11.3% GDP. Quy mô thị trường trái phiếu chính phủ tăng +5.92% so với cuối năm 2018, đạt 1.79 triệu tỷ đồng, tương đương 26.9% GDP

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam



Nguồn: Asia Bond Online

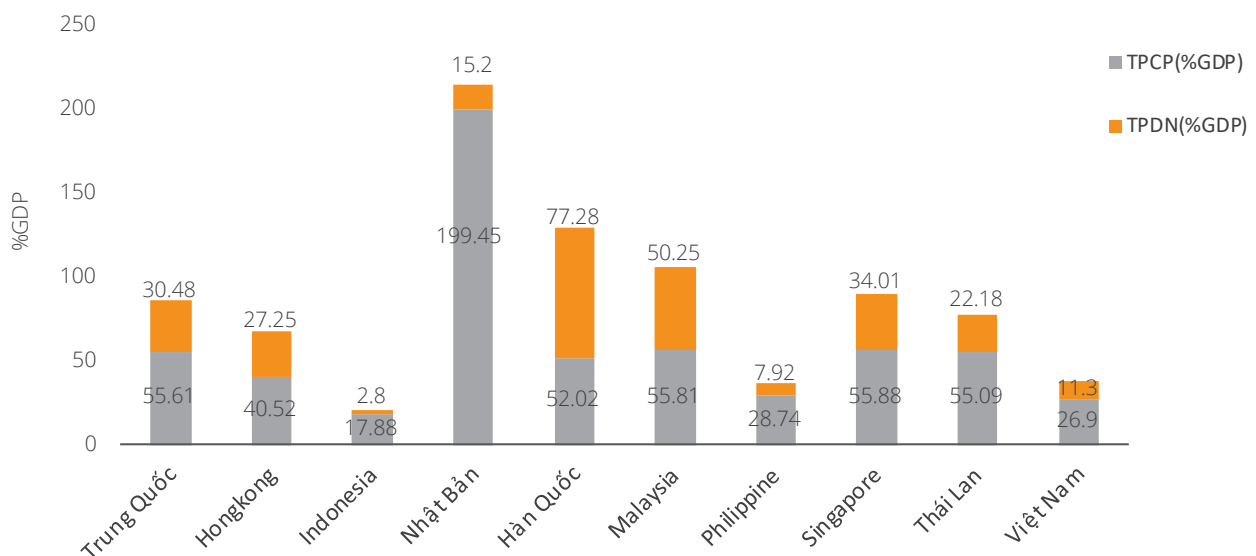
Quy mô thị trường trái phiếu so với GDP



Nguồn: Asia Bond Online

Xét về quy mô, thị trường trái phiếu Việt Nam còn khá nhỏ so với các nước trong khu vực ASEAN có thị trường trái phiếu đã khá phát triển như Thái Lan, Singapore, Malaysia. Đây sẽ là cơ hội cho thị trường trái phiếu của Việt Nam phát triển trong thời gian tới khi mà nhu cầu huy động vốn từ nguồn trái phiếu của Việt Nam để tài trợ cho các dự án là rất lớn

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam so với các nước khác

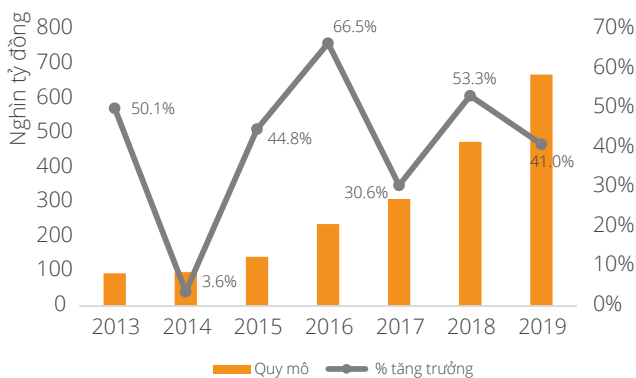


Nguồn: Asia Bond Online

Thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP)

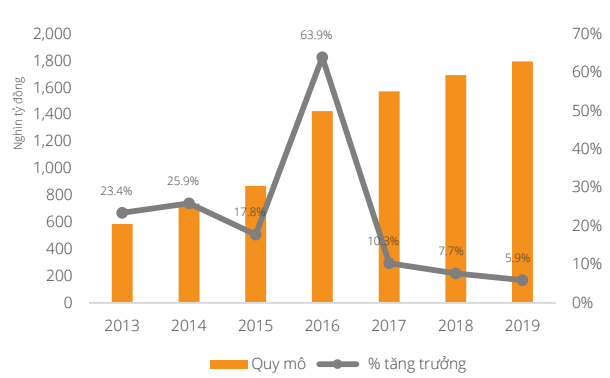
Năm 2012, quy mô TPCP của Việt Nam chỉ đạt 475 nghìn tỷ đồng, đến năm 2019, quy mô thị trường đạt lên mức 1.79 triệu tỷ đồng tăng gấp 9 lần so với năm 2012. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng quy mô TPCP đang chậm dần, nguyên nhân do tình hình giải ngân vốn đầu tư công gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn 3 năm trở lại đây.

Quy mô thị trường TPDN Việt Nam



Nguồn: Asia Bond Online

Quy mô thị trường TPCP Việt Nam



Nguồn: Asia Bond Online

Trong năm 2019, thị trường sơ cấp đã huy động được 215,267 tỷ đồng, trong đó Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) phát hành 197,769 tỷ đồng TPCP tăng +19.3% so với năm 2018, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPTVN) phát hành 13,797 tỷ đồng, và Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) phát hành 3,702 tỷ đồng. Tổng giá trị phát hành TPCP của KBNN đã hoàn thành tương ứng 76% kế hoạch năm 2019.

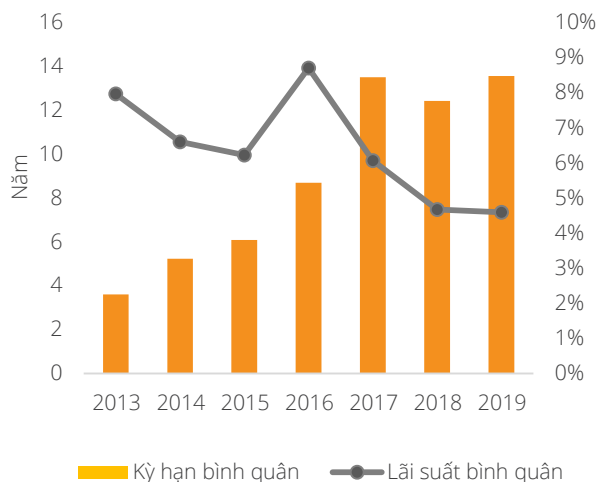
Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN năm 2019	KBNN phát hành năm 2019	% Kế hoạch KBNN 2019	Tổng phát hành 2019
5 năm	40,000	8,256	21%	9,356
7 năm	30,000	5,540	18%	6,690
10 năm	70,000	80,386	115%	86,408
15 năm	78,000	77,653	100%	86,880
20 năm	20,000	14,360	72%	14,359
30 năm	22,000	11,574	53%	11,574
Tổng	260,000	197,769	76%	215,267

Tuy nhiên do TPCP đáo hạn trong năm 2019 khoảng 115 nghìn tỷ đồng, gấp 2.25 lần lượng đáo hạn trong năm 2018 nên lượng phát hành ròng 2019 giảm -27.7% so với 2018.

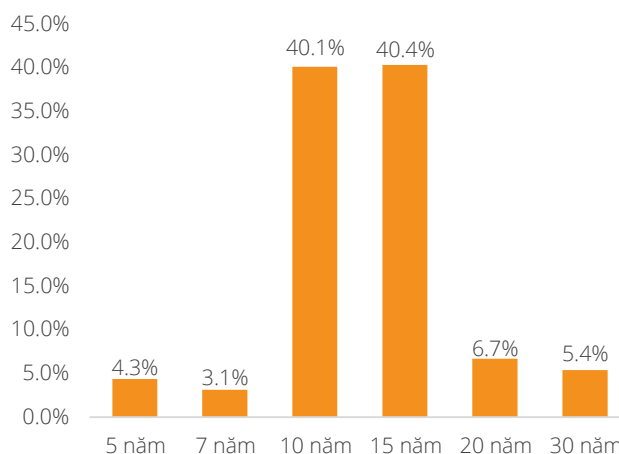
Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân tăng lên mức 13.57 năm.

Năm 2019, TPCP phát hành chủ yếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm, chiếm tỷ trọng phát hành cả năm lần lượt là 40.1% và 40.4%. Kỳ hạn bình quân của các trái phiếu phát hành tăng từ 12.15 năm lên 13.57 năm trong 2019.

Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân



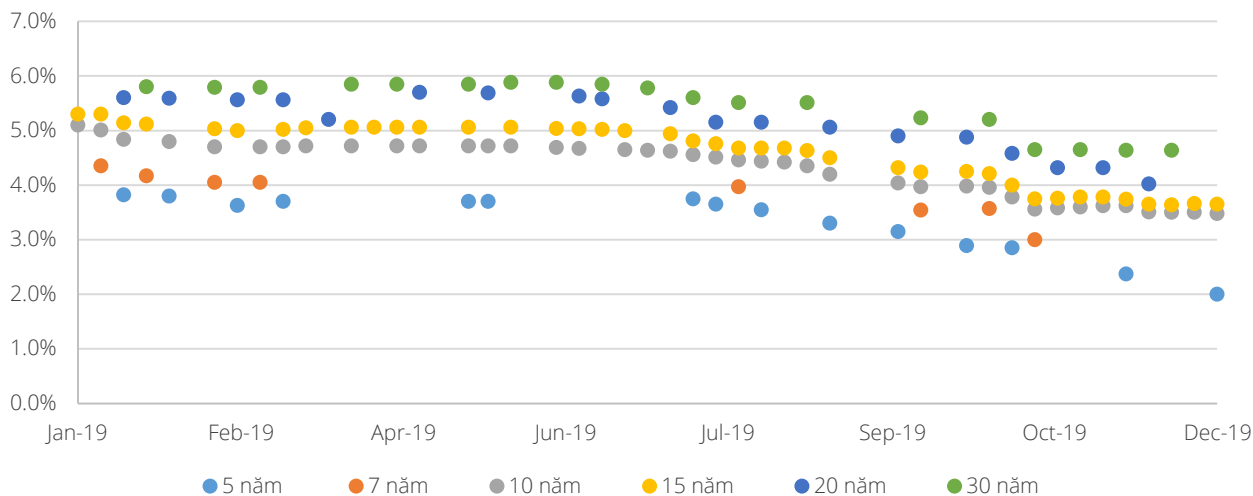
Tỷ trọng các kỳ hạn TPCP trúng thầu năm 2019



Nguồn: HNX

Lợi suất trúng thầu TPCP giảm mạnh ở hầu hết các kỳ hạn.

Lãi suất trúng thầu

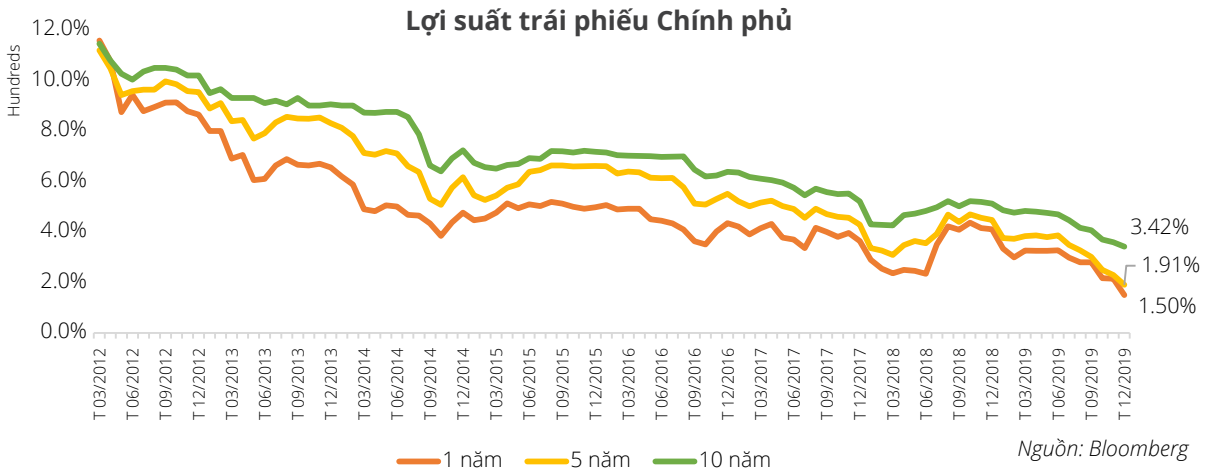


Nguồn: KBNN

Trong tháng 12/2019, Moody's hạ bậc triển vọng tín nhiệm Việt Nam và hạ tín nhiệm 18 ngân hàng, nhưng lợi suất trúng thầu TPCP vẫn tiếp tục đà giảm. Lợi suất kỳ hạn 5 năm giảm 37 điểm cơ bản so với mức tháng 11, xuống mức 2%. Lợi suất kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm đều giảm xuống mức lần lượt là 3.48%, 3.65% và 4.02%.

Cả năm 2019, lãi suất trúng thầu giảm tới 220 điểm cơ bản ở kỳ hạn 5 năm và giảm từ 125-165 điểm cơ bản ở các kỳ hạn còn lại. Nguyên nhân khiến lợi suất TPCP giảm mạnh là do (1) nhu cầu giải ngân vốn đầu tư công chỉ đạt khoảng 78.6% kế hoạch do đó KBNN không chịu áp lực phát hành TPCP; (2) nhu cầu nắm giữ trái phiếu gia tăng tại các ngân hàng thương mại (NHTM) với thanh khoản tốt trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng năm 2019 tương đối thấp.

Lợi suất TPCP giảm mạnh vào nửa cuối năm.



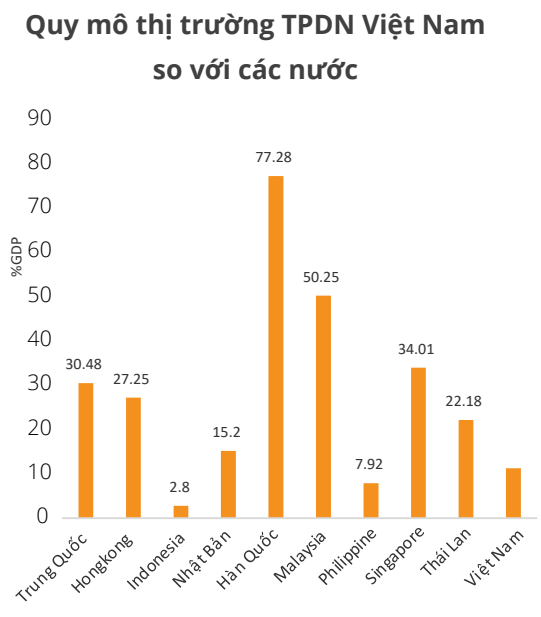
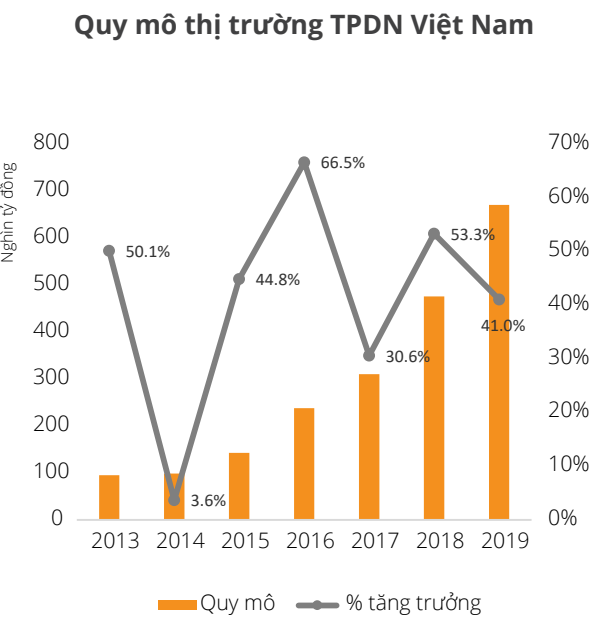
Diễn biến lợi tức trên thị trường thứ cấp đồng biến với thị trường sơ cấp. Đường lợi suất của TPCP trên thị trường thứ cấp tăng nhẹ vào đầu năm, nhưng giảm mạnh trong nửa cuối năm.

Kết thúc năm 2019, lợi suất các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm lần lượt kết thúc ở mức 1.500% (-260 bps yoy); 1.690% (-252 bps yoy); 1.825% (-247 bps yoy); 2.025% (-253 bps yoy); 2.808% (-195 bps yoy); 3.416% (- 171 bps yoy); và 3.608% (-181 bps yoy).

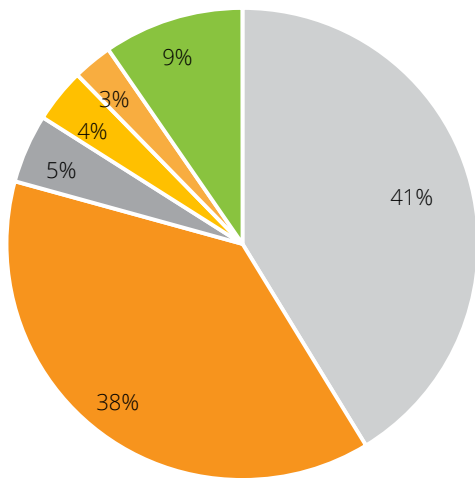
Thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP)

Năm 2019 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam.

Quy mô thị trường TPDN Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2019 tăng 10.6 lần. Tốc độ tăng trung bình của thị trường trong 5 năm trở lại đây lên tới 46.8%/năm.



Cơ cấu phát hành TPDN năm 2019



- NHTM
- Bất động sản
- Năng lượng và Khoáng sản
- Định chế tài chính
- Phát triển hạ tầng
- Khác

Nguồn: HNX

Mặc dù thị trường TPDN Việt Nam tăng trưởng liên tục qua các năm nhưng quy mô thị trường TPDN Việt Nam vẫn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực như Hàn Quốc (77.28% GDP), Malaysia (50.3% GDP), Singapore (34% GDP).

Theo thống kê công bố từ HNX và từ các doanh nghiệp, trong năm 2019, có 211 doanh nghiệp thực hiện chào bán tổng cộng 300,588 tỷ đồng trái phiếu, chia làm 807 đợt phát hành trong đó có 12 đợt phát hành không thành công. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm là 280,141 tỷ đồng, tương đương 93.2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018.

Các ngân hàng thương mại (NHTM) phát hành 115.4 nghìn tỷ đồng, tương đương 41.2% trong tổng lượng TPDN phát hành 2019. Các doanh nghiệp bất động sản phát hành 106.5 nghìn tỷ đồng, tỷ trọng đứng thứ 2 đạt 38%. Tiếp sau là nhóm các doanh nghiệp năng lượng và khoáng sản (13.2 nghìn tỷ đồng - 4.7%); các định chế tài chính phi ngân hàng mà chủ yếu là các CTCK (10.4 nghìn tỷ đồng - 3.8%); các doanh nghiệp phát triển hạ tầng (7.6 nghìn tỷ đồng - 2.8%); còn lại là các doanh nghiệp khác.

Lãi suất TPDN trung bình toàn thị trường là 8.8%/năm và kỳ hạn trái phiếu bình quân là 4.04 năm. Ngoại trừ nhóm trái phiếu ngân hàng (trung bình ~ 7.04%), hầu hết các trái phiếu nằm trong khoảng lãi suất 10-11%/năm, tức là cao hơn lãi suất tiền gửi từ 3-4%/năm.





IV. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

1. Triển vọng năm 2020

Lãi suất huy động giảm nhẹ trong thời gian tới.

Từ tháng 11/2019, NHNN đã ra Quyết định số 2415/QĐ-NHNN nhằm hạ trần lãi suất huy động tiền gửi tối đa bằng VND của các NHTM.

Sang đầu năm 2020, đặc biệt từ sau Tết Âm lịch Canh Tý, kinh tế vĩ mô Việt Nam chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi diễn biến của dịch cúm Covid-19. Các hoạt động sản xuất, dịch vụ là những hoạt động bị ảnh hưởng lớn nhất. Việc hoạt động kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm dẫn tới nhu cầu vay vốn, tín dụng cũng giảm xuống, vì vậy nhu cầu huy động của ngân hàng không còn lớn và lãi suất có xu hướng giảm.

Để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh, NHNN đã yêu cầu các NHTM hỗ trợ lãi suất cho vay cũng như khoan nợ, giãn nợ đối với những doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Trên cơ sở đó, lãi suất huy động có thể tiếp tục xu hướng giảm nhẹ trong thời gian tới.

Lợi suất TPCP dự báo tiếp tục giảm.

Kế hoạch phát hành năm 2020 của KBNN ước tính khoảng 300 nghìn tỷ đồng. Năm 2020 có khoảng 128 nghìn tỷ đồng TPCP đáo hạn (+11.6% so với 2019).

Nhu cầu đầu tư TPCP mới để tăng tài sản có thanh khoản của các NHTM sẽ tăng do yêu cầu của Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 yêu cầu duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản nhanh không dưới 10%. Bên cạnh đó, xu hướng nới lỏng tiền tệ với lượng cung từ KBNN tăng sẽ khiến lãi suất TPCP rất có thể sẽ giảm tiếp trong năm 2020 nhưng mức giảm sẽ ít hơn nhiều so với năm 2019, dự kiến nằm trong khoảng 30-50bps.

Diễn biến lợi tức trên thị trường thứ cấp thường đồng biến với thị trường sơ cấp nên vẫn có khả năng giảm trong năm 2020 nhưng mức giảm sẽ không lớn do mặt bằng lãi suất đã ở mức rất thấp.

2. Chiến lược đầu tư năm 2020

Với dự báo chiều lãi suất đi xuống trong năm 2020, Quỹ VNDDBF kế hoạch tập trung nắm giữ các tài sản có lãi suất cố định cao và thanh khoản tốt, đồng thời tăng cường tìm kiếm cơ hội từ các đợt phát hành trái phiếu năm 2020 để nâng lợi suất bình quân lên mức 8,5%-9%.

Việc gia tăng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ làm tăng kỳ hạn bình quân của các khoản đầu tư, tuy nhiên với chiến lược lựa chọn trái phiếu có cơ chế lãi suất thả nổi, rủi ro về biến động lãi suất sẽ được kiểm



V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ban Đại diện Quỹ nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động của Quỹ VNDBF, từ khi Quỹ VNDBF được thành lập ngày 05/07/2019, Ban Đại diện Quỹ VNDBF đã theo sát tình hình thị trường và phê duyệt cho Ban điều hành Quỹ thực hiện các hoạt động sau:

- Ngày 09/07/2019, Ban đại diện Quỹ đã họp và thông qua các nội dung sau:
 - Thông qua ủy quyền cho Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (“Công ty quản lý quỹ”) lựa chọn và ký hợp đồng với các công ty chứng khoán để mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho Quỹ đầu tư trái phiếu VND (VNDBF).
 - Phê duyệt danh sách các ngân hàng, công ty tài chính và tổ chức tín dụng mà Quỹ VNDBF được đi tiền gửi, đầu tư mua chứng chỉ tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác.
 - Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ VNDBF.
 - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ VNDBF cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
 - Thông qua ngày bắt đầu chính thức giao dịch của Quỹ VNDBF là Thứ Ba ngày 16/7/2019.
 - Phê duyệt Sổ tay định giá chi tiết của Quỹ VNDBF, làm cơ sở để định giá các tài sản mà Quỹ VNDBF nắm giữ.
- Ban Đại diện Quỹ đã 6 lần cho ý kiến phê duyệt các phương án đầu tư CCTG theo hình thức giao dịch thỏa thuận và đầu tư trái phiếu chuẩn bị niêm yết do Ban điều hành đệ trình vào ngày 10/7/2019, 23/8/2019, 20/9/2019, 24/9/2019, 05/11/2019 và 18/11/2019 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Ngày 27/12/2019, Ban Đại diện Quỹ đã họp Tổng kết hoạt động quý IV năm 2019 của Quỹ VNDBF và thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ VNDBF năm 2020 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản điện tử.

VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM

THÔNG TIN CHUNG

- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán IPA (IPAAM) được thành lập theo giấy phép số 30/UBCK – GP do UBCKNN cấp ngày 4/3/2008, là công ty con 100% sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (VNDirect).
- IPAAM có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, cung cấp dịch vụ quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

- Sở hữu đội ngũ các chuyên gia đầu tư với tổng cộng hơn 80 năm kinh nghiệm quản lý đầu tư, đảm bảo đem lại cho khách hàng dịch vụ quản lý đầu tư hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Thừa hưởng mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn của công ty mẹ VNDirect, mang lại các mối quan hệ sâu rộng và sự am hiểu về hoạt động của các công ty đầu tư tiềm năng, khả năng kết nối các cơ hội đầu tư hiệu quả tới các nhà đầu tư.
- Thế mạnh công nghệ: IPAAM và VNDirect có nền tảng công nghệ mạnh, đi đầu thị trường, giúp hỗ trợ tối đa hoạt động phân tích, theo dõi, quản lý đầu tư và quản trị rủi ro trong đầu tư.

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

- Tầm nhìn: Trở thành công ty quản lý quỹ tin cậy nhất cho nhà đầu tư.
- Sứ mệnh: Đem lại sự an tâm đầu tư cho khách hàng.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2019

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) đã thực hiện Báo cáo tài chính năm 2019 dưới sự giám sát của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty kiểm toán Deloitte, được đính kèm sau đây.

BÁO CÁO GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Nội dung	Năm 2019 Đơn vị: Việt Nam đồng
I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	50,335,000,000
II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó	1,381,018,211
II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	1,381,018,211
II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ	
III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 - III.2)	5,213,655,489
III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	8,809,604,559
III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	3,595,949,070
IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)	56,929,673,700

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019
I. TÀI SẢN ASSETS	Đơn vị: Việt Nam đồng
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8,294,191,059
1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	6,394,191,059
1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1,900,000,000
2. Các khoản đầu tư thuần	51,532,534,796
2.1. Các khoản đầu tư	51,532,534,796
Cổ phiếu	
Trái phiếu	5,002,003,000
Quyền mua	
Đầu tư khác	46,530,531,796

2.2. Dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp	
3. Các khoản phải thu	2,494,698,628
3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	
Trong đó: Phải thu khó đòi về bán các khoản đầu tư	
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2,494,698,628
3.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	2,494,698,628
3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	
3.3. Các khoản phải thu khác	
3.4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	
TỔNG TÀI SẢN TOTAL ASSETS	62,321,424,483
II. NỢ PHẢI TRẢ	
TOTAL LIABILITIES	
1. Vay ngắn hạn	
2. Phải trả về mua các khoản đầu tư/Repo	5,136,250,000
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và công ty quản lý quỹ	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,040,101
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	
6. Chi phí phải trả	91,513,625
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	42,501,200
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	1,003,488
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	117,442,369
10. Phải trả, phải nộp khác	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	5,391,750,783
III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	56,929,673,700
1. Vốn góp của Nhà đầu tư	55,462,009,600
1.1 Vốn góp phát hành	58,990,312,600
1.2 Vốn góp mua lại	(3,528,303,000)
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	86,645,889
3. Lợi nhuận chưa phân phối	1,381,018,211
IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	10,264.62
V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	
1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	
2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
1. Tài sản nhận thế chấp	
2. Nợ khó đòi đã xử lý	
3. Ngoại tệ các loại	
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5,546,200.96

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	01/01/2019-31/12/2019 Đơn vị: Việt Nam đồng
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(86,720,551,278)
1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	35,185,813,016
2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư	
3. Cổ tức đã nhận	
4. Tiền lãi đã thu	4,819,040,463
5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của Quỹ mở	
6. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở	(592,122,263)
7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động Quỹ mở	
8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)	6,810,843
9. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	
10. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(47,301,009,219)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	
1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ mở	59,187,105,759
2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ mở	(3,591,349,632)
3. Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ	(555,849)
4. Tiền vay gốc	
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	
6. Thu nhập trả cho Nhà đầu tư	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	55,595,200,278
III. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	8,294,191,059
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	
- Tiền gửi phong tỏa	

V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	8,294,191,059
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	8,294,191,059
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	1,214,412,609
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	1,900,000,000
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	42,501,200
- Tiền gửi phong tỏa	5,137,277,250
VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	8,294,191,059

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA (IPAAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của IPAAM. IPAAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.